

Bản án số: 10/2025/HS-ST  
Ngày: 16/9/2025

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - PHÚ THỌ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đào Ngọc Tiến.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Vì Văn Tùng và ông Hà Bá Khiên

*Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Văn Cao - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 - Phú Thọ.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Ông Mai Thanh Bách - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2025/TLST - HS ngày 18 tháng 8 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 10/2025/QĐXXST - HS ngày 03 tháng 9 năm 2025 đối với các bị cáo:

**1. Nguyễn Thị Đ**, sinh ngày 28 tháng 10 năm 1973, tại: xã M, tỉnh Phú Thọ; nơi cư trú: xóm T, xã M, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 08/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quang B (đã chết) và bà Nguyễn Thị T (đã chết); bị cáo có chồng là Nguyễn Đức H (đã chết) và có 02 con, con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 1999; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 16/10/2011, bị Công an huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình xử phạt hành chính 1.500.000 đồng về hành vi Đánh bạc theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 83/QĐ-XPHC ngày 16/10/2011; ngày 28/08/2012, bị TAND huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình xử phạt 5.000.000 đồng về tội Đánh bạc theo bản án số 31/2012/HSST; ngày 17/12/2012, bị TAND huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo theo bản án số 48/2012/HSST.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 11/5/2025 sau đó được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/5/2025 đến nay. Có mặt.

**2. Lương Thị H1**, sinh ngày 20 tháng 10 năm 1980, tại: xã P, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: bản E, xã P, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Giáo viên; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Minh Y, sinh năm 1963 và bà Phạm Thị T1, sinh năm 1964; bị cáo có chồng là Phạm Văn T2 (đã ly hôn) và có 01 con, sinh năm 2004. Đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 100 –

QĐ/UBKTHU ngày 02/6/2025 của Ủy ban kiểm tra, Huyện ủy Quan Hóa. Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 11/5/2025 sau đó được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/5/2025 đến nay. Có mặt.

**3. Lê Văn T3**, sinh ngày 07 tháng 12 năm 1983, tại: xã M, tỉnh Phú Thọ; nơi cư trú: xóm T, xã M, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thanh H2, sinh năm 1947 và bà Đỗ Thị N, sinh năm 1952; bị cáo có vợ là Đỗ Thị K, sinh năm 1981 và có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 08/02/2010 bị Tòa án nhân dân huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo bản án số 03/2010/HSST; ngày 19/01/2010, bị Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xử phạt 12 tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo bản án 02/HSPT; ngày 24/3/2010, bị Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 13 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo bản án số 04/2010/HSST.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 11/5/2025 sau đó được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/5/2025 đến nay. Có mặt.

**4. Lê Văn M**, sinh ngày 26 tháng 01 năm 1981, tại: xã C, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: xóm T, xã M, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn S, sinh năm 1959 và bà Trần Thị N1, sinh năm 1962; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị V, sinh năm 1984 và có 03 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 09/12/2015 bị Công an huyện M, tỉnh Hòa Bình xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi Đánh bạc theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 04/QĐ-XPVPHC.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 11/5/2025 sau đó được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/5/2025 đến nay. Có mặt.

**5. Đỗ Thị T4**, sinh ngày 08 tháng 8 năm 1976, tại: xã P, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: xóm M, xã B, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Xuân T5 (Đã chết) và bà Nguyễn Thị T6, sinh năm 1951; bị cáo có chồng là Lê Quý N2, sinh năm 1973 và có 02 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 11/5/2025 sau đó được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/5/2025 đến nay. Có mặt.

**6. Đỗ Thị V1**, sinh ngày 08 tháng 3 năm 1980, tại: xã P, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: xóm B, xã P, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Xuân T5 (Đã chết) và bà Nguyễn Thị T6, sinh năm 1951; bị cáo có chồng là Hà Văn L, sinh năm 1980 và có 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 11/5/2025 sau đó được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/5/2025 đến nay. Có mặt.

*Người làm chứng:* Anh Phạm Văn T7, sinh năm 2003. Nơi cư trú: xóm M, xã B, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 00, ngày 11/5/2025, Phòng Cảnh sát hình sự, Công an tỉnh Hòa Bình (Nay là Phòng Cảnh sát hình sự, Công an tỉnh Phú Thọ) phối hợp với Công an xã Vạn Mai, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình (Nay là Công an xã Mai Hạ, tỉnh Phú Thọ) đã kiểm tra phát hiện tại nơi ở của Nguyễn Thị Đ. Địa chỉ: xóm T, xã M, tỉnh Phú Thọ có 06 đối tượng, gồm: Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1973, Lê Văn M, sinh năm 1981, cùng trú tại: xóm T, xã M, tỉnh Phú Thọ; Lương Thị H1, sinh năm 1980, Đỗ Thị V1, sinh năm 1980 cùng trú tại: bản E, xã P, tỉnh Thanh Hóa; Lê Văn T3, sinh năm 1983, trú tại: xóm T, xã M, tỉnh Phú Thọ; Đỗ Thị T4, sinh năm 1976, trú tại: xóm M, xã B, tỉnh Phú Thọ, đang đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh “Liêng” thắng thua bằng tiền mặt. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ tại chiếu bạc số tiền 10.700.000 đồng (*Mười triệu bảy trăm nghìn đồng*), 01 bộ bài lá 52 quân, 01 tấm thảm có kích thước 230cm x 260 cm. Hành vi cụ thể của các bị cáo như sau:

Tối ngày 11/5/2025, Nguyễn Thị Đ có rủ Lương Thị H1, Lê Văn M và Lê Văn T3 đến nhà chơi. Khi đang ngồi nói chuyện thì có Đỗ Thị T4 và Đỗ Thị V1 mang hoa quả đến nhà giao cho Đ (trước đó Đ có đặt mua). Đến khoảng 20 giờ 30 phút, khi V1, T4, H1, M đang ngồi uống nước tại phòng khách nhà Đ thì Nguyễn Thị Đ có rủ V1, T4, H1, M đánh bạc dưới hình thức đánh “Liêng” thắng thua bằng tiền mặt, tất cả đồng ý. Sau đó 05 người cùng vào phòng ngủ thứ hai tại nhà Đ, ngồi ở tấm thảm trải sẵn dưới sàn. Đ lấy bộ bài lá 52 quân có sẵn ở nhà ra để đánh bạc với nhau. Khoảng 21 giờ cùng ngày, Lê Văn T3 cũng đến nhà Đ chơi và cùng tham gia đánh bạc. Một lúc sau có Phạm Văn T7, sinh năm 2003, trú tại: xóm M, xã M, huyện M, tỉnh Hòa Bình (nay là xóm M, xã B, tỉnh Phú Thọ) cũng đến nhà Đ. Tuy nhiên, do không có tiền nên T7 không tham gia vào đánh bạc mà chỉ ngồi xem. Hình thức đánh Liêng cụ thể như sau: sử dụng bộ bài lá gồm 52 quân, thắng thua trả bằng tiền Việt Nam đồng, mỗi ván cược số tiền từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng, chỉ được đặt cược 01 lần, không quy định đặt cược thêm (gọi là tố). Khi lật bài ai cao điểm nhất sẽ thắng và hưởng tất cả tiền mọi người đặt, thứ tự bài từ cao xuống thấp là: ba quân bài cùng loại (gọi là S1), ba quân bài liên tiếp (gọi là L1), điểm tính từ 9 xuống 0 điểm. Sau khi kết thúc tiếp tục đánh ván mới.

Khi tham gia đánh bạc: Nguyễn Thị Đ sử dụng 1.500.000 đồng, Lương Thị H1 sử dụng 4.200.000 đồng, Lê Văn T3 sử dụng 2.200.000 đồng, Lê Văn M sử dụng 2.000.000 đồng, Đỗ Thị T4 sử dụng 600.000 đồng, Đỗ Thị V1 sử dụng 200.000 đồng.

Ngày 29/5/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hòa Bình (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Thọ) đã có Công văn số: 1442/CSHS gửi Ngân hàng N3 – Chi nhánh K1 đề nghị giám định tiền thật giả đối với số tiền 10.700.000 đồng đã thu giữ.

Ngày 30/5/2025, Ngân hàng N3 – Chi nhánh K1 đã có Thông báo kết quả giám định tiền số: 669/Tb-KV3 thông báo số tiền 10.700.000 đồng đề nghị giám định đều là tiền thật do Ngân hàng N3 phát hành.

Tại Cáo trạng số: 05/CT-VKS-KV16 ngày 15/8/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16, tỉnh Phú Thọ truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Đ, Lương Thị H1, Lê Văn T3, Lê Văn M, Đỗ Thị T4 và Đỗ Thị V1 về tội Đánh bạc, theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16, tỉnh Phú Thọ thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử, luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết như sau:

+ Về tội danh, hình phạt: đề nghị tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Đ, Lê Văn T3, Lê Văn M, Lương Thị H1, Đỗ Thị T4 và Đỗ Thị V1 về tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Thị Đ từ 16 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 32 tháng đến 36 tháng

- Bị cáo Lê Văn T3 từ 15 tháng đến 17 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 tháng đến 34 tháng

- Bị cáo Lê Văn M từ 08 tháng đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 tháng đến 20 tháng

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt:

- Bị cáo Lương Thị H1 từ 10 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, khấu trừ 5% thu nhập mỗi tháng trong thời gian chấp hành án cải tạo không giam giữ để sung quỹ nhà nước:  $15.370.000 \text{ đồng} \times 5\% = 768.000 \text{ đồng/ tháng}$  (đã làm tròn)

- Bị cáo Đỗ Thị T4 từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ

- Bị cáo Đỗ Thị V1 từ 06 tháng đến 09 tháng tù cải tạo không giam giữ

Miễn khấu trừ thu nhập của bị cáo Đỗ Thị T4 và Đỗ Thị V1

Đối với Phạm Văn T7 đến nhà Nguyễn Thị Đ xem đánh bạc trái phép trong buổi tối ngày 11/5/2025. Anh T7 không tham gia đánh bạc nên cơ quan Công an không xử lý là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử không xét đến.

+ Về hình phạt bổ sung: xét thấy các bị cáo đều có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

+ Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

- Đối với số tiền bị thu giữ 10.700.000 đồng là tiền các bị cáo dùng để đánh bạc, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 bộ bài lá 52 quân và 01 chiếc thảm nỉ có diện 230cm x 260cm là công cụ phương tiện dùng vào việc phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu tiêu hủy.

**Ý kiến của các bị cáo:** đồng ý với nội dung Cáo trạng và bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát đề nghị truy tố, xét xử đối với bị cáo. Lời nói sau cùng của các bị cáo đều rất ân hận, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, qua xét hỏi và tranh luận, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố, phù hợp với lời khai trong các Biên bản ghi lời khai, Biên bản hỏi cung, Kết luận giám định, cùng toàn bộ các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và phù hợp lời khai của những người tham gia tố tụng khác trong vụ án. Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận: tối ngày 11/5/2025 Nguyễn Thị Đ, Lê Văn M, Lê Văn T3, Lương Thị H1, Đỗ Thị V1, Đỗ Thị T4 đang thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh “Liêng” thắng thua bằng tiền mặt, thì bị tổ công tác Công an tỉnh Hòa Bình (Nay là Công an tỉnh Phú Thọ) phối hợp với Công an xã Vạn Mai, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình (Nay là Công an xã Mai Hạ, tỉnh Phú Thọ) bắt quả tang. Số tiền cơ quan tiến hành tố tụng chứng minh được các bị cáo dùng để đánh bạc là 10.700.000 đ (Mười triệu bảy trăm nghìn đồng). Trong đó: Nguyễn Thị Đ sử dụng 1.500.000 đồng, Lương Thị H1 sử dụng 4.200.000 đồng, Lê Văn T3 sử dụng 2.200.000 đồng, Lê Văn M sử dụng 2.000.000 đồng, Đỗ Thị V1 sử dụng 200.000 đồng, Đỗ Thị T4 sử dụng 600.000 đồng để đánh bạc. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Nguyễn Thị Đ, Lê Văn T3, Lê Văn M, Lương Thị H1, Đỗ Thị V1, Đỗ Thị T4 phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tính chất của vụ án: đây là vụ án hình sự có tính chất giản đơn, các bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc một cách tự phát, không có tổ chức, không có sự phân công, phân nhiệm. Tuy nhiên hành vi đánh bạc trái phép dưới bất kỳ

hình thức nào, được thua bằng tiền mặt đều bị nhà nước nghiêm cấm. Các bị cáo đều là người trưởng thành, có đủ nhận thức để xác định hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Nhưng các bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội, do đó phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình

[4] Xét mức độ của hành vi phạm tội: các bị cáo Nguyễn Thị Đ, Lê Văn T3, Lê Văn M, Lương Thị H1, Đỗ Thị V1, Đỗ Thị T4 là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an của địa phương, được pháp luật bảo vệ. Do đó, cần phải xử lý nghiêm, áp dụng hình phạt tương xứng đối với các bị cáo để giáo dục riêng, răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa đều đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đối với các bị cáo Nguyễn Thị Đ, Lê Văn T3, Lê Văn M đều là người tích cực trong công tác phòng chống thiên tai, bão lũ, tham gia hưởng ứng các phong trào từ thiện, giúp đỡ một số gia đình gặp khó khăn, trực tiếp chuyển khoản ủng hộ từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng cho nhân dân Cu Ba theo công văn số 217/LKG-TU'HCTĐ ngày 13/8/2025 của Ban Hội chữ thập đỏ Việt Nam. Được chính quyền địa phương xác nhận. Đó là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đối với các bị cáo Lương Thị H1, Đỗ Thị T4, Đỗ Thị V1 ngoài việc thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ đó là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Lương Thị H1 là giáo viên có thành tích trong sự nghiệp giáo dục, được tặng thưởng nhiều giấy khen, kỷ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục, nhiều năm liền được công nhận là giáo viên dạy giỏi nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Trên cơ sở xem xét diễn biến hành vi phạm tội của các bị cáo, tính chất mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng:

+ Bị cáo Nguyễn Thị Đ, ngày 16/10/2011 bị Công an huyện M, tỉnh Hòa Bình xử lý hành chính phạt tiền 1.500.000 đồng; ngày 28/08/2012 bị TAND huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình xử phạt 5.000.000 đồng; ngày 17/12/2012, bị TAND huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Bị cáo đã chấp hành xong biện pháp xử lý hành chính và các bản án, sau khi chấp hành xong bị cáo luôn chấp hành tốt chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước; thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công dân nơi cư trú. Đến thời điểm phạm tội đã hết thời hạn, không có vi phạm gì nên được coi là chưa bị xử lý hành chính, đã được xóa án tích. Mặt khác, đây là vụ án hình sự có tính chất giản đơn, số tiền đánh bạc ít, mức độ phạm tội mới thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; không có tình tiết tăng

nặng. Vì vậy, căn cứ vào Điều 2 Nghị quyết hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự về án treo của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 10/7/2025. Hội đồng xét xử thấy, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục thành người có ích cho xã hội cũng đủ răn đe đối với bị cáo.

+ Bị cáo Lê Văn T3, bị Tòa án nhân dân huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình xử phạt 09 tháng tù theo bản án số 03/2010/HSST ngày 08/02/2010; ngày 19/01/2010 bị Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xử phạt 12 tháng tù theo bản án 02/2010/HSPT; ngày 24/3/2010 bị Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 13 tháng tù theo bản án số 04/2010/HSST. Sau khi chấp hành xong các bản án trên bị cáo luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật của nhà nước, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công dân nơi cư trú, không có vi phạm gì. Đến thời điểm phạm tội đã hết thời hạn, nên được coi là chưa bị xử lý hành chính, đã được xóa án tích. Mức độ phạm tội mới thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; không có tình tiết tăng nặng. Vì vậy, căn cứ vào Điều 2 Nghị quyết hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự về án treo của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 10/7/2025. Hội đồng xét xử thấy, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục thành người có ích cho xã hội cũng đủ răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

+ Bị cáo Lê Văn M bị xử lý hành chính phạt tiền 1.500.000 đồng ngày 09/12/2015 về hành vi Đánh bạc. Bị cáo đã chấp hành xong, đến thời điểm phạm tội đã hết thời hạn không có vi phạm gì nên được coi là chưa bị xử lý hành chính. Mặt khác, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; không có tình tiết tăng nặng, có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, căn cứ vào Điều 2 Nghị quyết hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự về án treo của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 10/7/2025. Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục thành người có ích cho xã hội cũng có tác dụng răn đe đối với bị cáo.

+ Bị cáo Lương Thị H1, có nhân thân tốt, đã có thời gian dài cống hiến cho sự nghiệp giáo dục, được cấp có thẩm quyền tặng nhiều hình thức khen thưởng, nhiều năm liên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi, có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo, để bị cáo có cơ hội tiếp tục cống hiến cho xã hội phù hợp với ngành nghề được đào tạo, cũng có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

+ Bị cáo Đỗ Thị T4, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội mà áp dụng hình phạt cải tạo không

giám giữ, giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo, cũng có tác dụng răn đe đối với bị cáo.

+ Bị cáo Đỗ Thị V1, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo, cũng có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

Về khấu trừ thu nhập:

- Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Bộ luật hình sự thì người bị phạt cải tạo không giam giữ bị khấu trừ một phần thu nhập từ 05% đến 20% để sung quy nhà nước. Tại các bảng thanh toán tiền lương trong 6 tháng gần nhất do Trường mầm non P xác nhận và lời trình bày của bị cáo Lương Thị H1 tại phiên tòa cho thấy bị cáo có thu nhập ổn định, mức thu nhập là 15.370.000 đồng/tháng, cần khấu trừ một phần thu nhập mỗi tháng 5%. Số tiền là 768.000 đồng/tháng để sung quỹ nhà nước.

- Bị cáo Đỗ Thị T4 và Đỗ Thị V1 hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có nghề nghiệp ổn định nên không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo này

[6] Về hình phạt bổ sung: do các bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về tội danh, hình phạt, điều luật áp dụng và các vấn đề khác mà đại diện Viện kiểm sát, tại phiên tòa đã có ý kiến đề nghị nêu trên. Xét thấy có căn cứ phù hợp quy định pháp luật nên cần chấp nhận xử lý, giải quyết.

[9] Về án phí: các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **1. Về tội danh, hình phạt:**

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Đ, Lê Văn T3, Lê Văn M, Lương Thị H1, Đỗ Thị V1, Đỗ Thị T4 phạm tội “Đánh bạc”.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Đ 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng kể từ ngày tuyên án

- Xử phạt bị cáo Lê Văn T3 17 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 34 tháng kể từ ngày tuyên án

- Xử phạt bị cáo Lê Văn M 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng kể từ ngày tuyên án

*Giao các bị cáo Nguyễn Thị Đ, Lê Văn T3, Lê Văn M cho Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách của án treo.*

*Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự*

*Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo*

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Lương Thị H1 10 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giữ 09 ngày bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 09 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Đỗ Thị T4 09 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giữ 09 ngày bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 08 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ

- Xử phạt bị cáo Đỗ Thị V1 07 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giữ 09 ngày bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 06 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan Thi hành án Hình sự Công an tỉnh P và cơ quan Thi hành án Hình sự Công an tỉnh T nhận được quyết định Thi hành án

*Giao các bị cáo Lương Thị H1, Đỗ Thị V1 cho Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo*

*Giao bị cáo Đỗ Thị T4 cho Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Phú Thọ giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo*

*Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo*

*Trong trường hợp người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật thi hành án hình sự*

Khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Lương Thị H1 số tiền 768.000 đồng/tháng, trong thời gian 10 tháng để sung quỹ nhà nước (Tổng thời gian khấu trừ thu nhập của bị cáo là 10 tháng, mỗi tháng 768.000 đồng). Việc khấu trừ thu nhập được thực hiện hàng tháng

Trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ

Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Đỗ Thị T4, Đỗ Thị V1 do không có việc làm ổn định

Buộc các bị cáo Đỗ Thị T4, Đỗ Thị V1 phải chấp hành lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian chấp hành hình phạt. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong một tuần. Trong thời gian chấp hành hình phạt phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Hủy bỏ các Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 02; 03; 04; 05; 06; 07 ngày 18/8/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Phú Thọ đối với các bị cáo: Nguyễn Thị Đ, Đỗ Thị T4, Lê Văn M, Lương Thị H1, Lê Văn T3, Đỗ Thị V1

## 2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên:

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 10.700.000 đ (Mười triệu bảy trăm nghìn đồng)

- Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài lá 52 quân và 01 chiếc thảm nỉ có diện 230cm x 260cm là công cụ phương tiện dùng vào việc phạm tội

*(Các vật chứng nêu trên hiện đang lưu giữ tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 16 - Phú Thọ và Phòng G - Kho bạc nhà nước Khu vực IX. Tình trạng, đặc điểm cụ thể của các vật chứng được ghi trong Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số: 11/PTHADSKV16 ngày 15/9/2025 giữa bên giao Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh P, bên nhận Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 16 - Phú Thọ và tại Biên bản giao nhận tài sản số 10/2025/BBBQ-PGD24 ngày 09/6/2025 giữa bên giao tài sản là Cơ quan cảnh sát điều tra (PC02) Công an tỉnh H (Nay là PC02 Công an tỉnh P) và bên nhận tài sản là Phòng giao dịch số B-Kho bạc nhà nước Khu vực I)*

## 3. Về án phí:

Áp dụng Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thị Đ, Lê Văn T3, Lê Văn M, Lương Thị H1, Đỗ Thị T4, Đỗ Thị V1, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

#### 4. Về quyền kháng cáo:

Áp dụng Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo Nguyễn Thị Đ, Lê Văn T3, Lê Văn M, Lương Thị H1, Đỗ Thị T4, Đỗ Thị V1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

#### ***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 16 – Phú Thọ;
- Phòng Hồ sơ CA tỉnh PT;
- Cơ quan điều tra CA tỉnh PT;
- Thị hành án dân sự tỉnh Phú Thọ;
- Hồ sơ THAHS;
- UBND xã Mai Hạ, tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã Bao La, tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã Phú Lệ, tỉnh Thanh Hóa;
- Đảng ủy xã Phú Lệ, tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*(đã ký)*

**Đào Ngọc Tiến**